

LUẬN ÁN TIỀN SĨ VĂN HỌC
HUỖNH THỊ THU HẬU. *Nghệ thuật*
ngịch dị trong tiểu thuyết Việt Nam từ
1986 đến 2012

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam

Mã số: 62 22 01 21

Nghịch dị có từ lâu trong mạch nguồn lịch sử văn học dân tộc và hồi sinh mạnh mẽ trong thời kỳ đổi mới. Luận án *Nghệ thuật nghịch dị trong tiểu thuyết Việt Nam từ 1986 đến 2012* đã cho thấy rõ sự hồi sinh mạnh mẽ của nghệ thuật nghịch dị trong tiểu thuyết nói riêng và văn học đương đại nói chung; tìm hiểu sự biểu hiện của nghệ thuật nghịch dị qua hệ thống hình tượng nhân vật, không gian, thời gian, bộc lộ qua phương thức thể hiện như ngôn ngữ, giọng điệu, biểu tượng. Luận án cũng chỉ ra quá trình phát triển của nghệ thuật nghịch dị từ văn học truyền thống đến nay, khẳng định đây là mạch nguồn trong văn học dân tộc; đánh giá vai trò to lớn của nghệ thuật nghịch dị đối với sự đổi mới của văn học Việt Nam nói chung và tiểu thuyết nói riêng, góp phần đổi mới quan niệm về hiện thực, về con người, về thể loại, qua đó hướng đến đổi mới hệ hình mỹ học truyền thống.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và *Chương 1 tổng quan tình hình nghiên cứu*, nội dung chính của Luận án được trình bày trong 3 chương (Chương 2 - Chương 4).

Chương 2: Nghệ thuật nghịch dị và sự đổi mới văn học Việt Nam từ 1986 đến 2012

Nghịch dị (hay còn gọi là cái thô kệch) trước hết là thể giới quan, là nghệ thuật, là thủ pháp. Đó là một kiểu tổ chức hình

tượng nghệ thuật (hình tượng, phong cách, thể loại) dựa vào huyền tưởng tiếng cười, sự phóng đại, lối kết hợp và tương phản một cách kỳ quặc cái huyền hoặc với cái thực, cái đẹp với cái xấu, cái bi với cái hài, là sự hòa trộn của cái hài với cái kinh dị, cái giống như thực với cái biếm họa. Nghệ thuật nghịch dị là một kiểu ước lệ đặc thù: nó công nhiên và chú ý trình bày một thể giới dị thường, trái tự nhiên. Trong văn học Việt Nam, nghịch dị có một truyền thống lâu đời. Thời đại nào trong văn học cũng xuất hiện yếu tố nghịch dị, có khi bùng nổ thành cao trào và cảm hứng nghịch dị trở thành nguồn cảm hứng chủ đạo, nhưng cũng có khi lắng xuống.

Tiểu thuyết là thể loại trung tâm của văn học Việt Nam đương đại. Tiểu thuyết Việt Nam đương đại đã chạm đến miền sâu thẳm nhất của con người, những tiềm thức, vô thức, giấc mơ, khám phá con người bên trong với muôn vàn chiều kích phức tạp; nó phù hợp với tính chưa hoàn kết của hiện thực nghịch dị. Theo tác giả Luận án, từ năm 1986 đến 2012, nghệ thuật nghịch dị đã được hồi sinh mạnh mẽ trong tiểu thuyết Việt Nam.

Chương 3: Nghệ thuật nghịch dị trong tiểu thuyết Việt Nam từ 1986 đến 2012 nhìn từ hệ thống hình tượng

*** Hình tượng nhân vật nghịch dị**

Nghệ thuật nghịch dị trong xây dựng nhân vật của tiểu thuyết đương đại Việt Nam gắn với những biểu hiện đời thường. Nó cũng bắt đầu có dấu hiệu sử dụng cả những yếu tố kỳ ảo, quái dị, gắn với tiếng cười và phóng đại một hoặc một vài khía cạnh tính cách. Hiệu quả thẩm mỹ mà nó

mang đến là khắc họa được sự tha hóa của con người đương thời, những bi kịch mang tính chất thời đại. Phần lớn hình tượng nghịch dị tập trung vào tầng lớp trí thức có địa vị và danh vọng, hình tượng người phụ nữ và hình tượng lệch pha giới. Hình tượng nhân vật trong tiểu thuyết đương đại Việt Nam cũng được soi chiếu ở phương diện con người vật chất xác thịt, con người vô thức, bản năng, tâm linh.

*** Hình tượng không gian nghịch dị**

Không gian làng quê nghịch dị trong tiểu thuyết đương đại được kiến tạo bằng nghệ thuật nghịch dị đã trở nên dị thường, khác biệt, kỳ quái, không còn vẻ đẹp lãng mạn, yên bình, nên thơ, mà đã trở nên quê đầy ám gợi bởi sự trộn lẫn yếu tố quái dị, cái xấu. Đó là làng với hình tượng hoa gạo nở đỏ ôi như máu suốt bốn mùa trong *Thần thánh và bướm bướm* của Đỗ Minh Tuấn; không gian làng Phan với con sông Linh Nham đầm màu sắc huyền ảo trong *Những đứa trẻ chết già* của Nguyễn Bình Phương; không gian lễ hội Ông Đùng, Bà Đà trong *Mẫu Thượng Ngàn* của Nguyễn Xuân Khánh.

Không gian thành thị nghịch dị trong tiểu thuyết đương đại còn được phóng chiếu qua các hội thảo quốc tế trong tiểu thuyết *Mười lễ một đêm* của Hồ Anh Thái; không gian đám tang mẹ của nhân vật tôi trong tiểu thuyết 3.3.3.9 *Những mảnh hồn trần* của Đặng Thân; bức biếm họa đám tang mẹ của luật sư trong *SBC là sản bắt chuột* của Hồ Anh Thái; không gian thang máy - kiểu không gian mê cung khiến cho con người dễ dàng tha hóa, biến thành người khác, dễ đánh mất mình trong *Thang máy Sài Gòn* của Thuận; hay không gian phòng ngủ với biểu tượng Linga của bác sĩ Nam khoa trong *Nháp* của Nguyễn Đình Tú.

Không gian chiến tranh cũng đầy nghịch dị qua *Ấn mây dĩ vãng* của Chu Lai, đó là không gian nghịch dị của sự sống và cái chết; sự tương phản, đối lập giữa cái đẹp (hoa trinh nữ) và sự hủy diệt (bom đạn) khắc họa đậm nét sự mong manh của phận người, giữa hai không gian bên này sông (căn cứ cách mạng) và bên kia sông (đồn bót của địch) khắc họa sự đối nghịch giữa cái đẹp và cái xấu. Không gian ấy còn có cả những căn hầm lưu giữ sự hào hùng, lãng mạn và cả những mất mát, chết chóc, đau thương; có sự tái sinh bởi tình yêu, bởi những cuộc ái ân mang đầy giá trị nhân văn...

*** Hình tượng thời gian nghịch dị**

Hình tượng nghịch dị luôn được xây dựng trên một cảm quan về thời gian đang trong trạng thái biến thiên, chưa hoàn kết: nhân vật tôi trong *Đi tìm nhân vật* của Tạ Duy Anh luôn có sự hoài nghi về quá khứ; có người còn chối bỏ quá khứ, như nhân vật Ba Sương trong *Ấn mây dĩ vãng*;... Thời gian ngưng đọng (là kiểu thời gian bên trong con người, đối lập với thời gian bên ngoài) được kiến tạo qua cảm nhận của nhân vật tôi trong tiểu thuyết *Đi tìm nhân vật* của Tạ Duy Anh, cảm nhận về thời gian của Dưỡng ở *Những ngã tư và những cột đèn* của Trần Dần, nhân vật tôi trong *China town* của Thuận. Mang sức nặng của trực giác, của hồi ức, của dòng chảy ý thức, cảm quan nghịch dị về thời gian ngưng đọng đã xóa nhòa lẫn ranh giữa quá khứ và hiện tại, giữa sự sinh thành và hủy diệt.

Chương 4: Nghệ thuật nghịch dị trong tiểu thuyết Việt Nam từ 1986 đến 2012 nhìn từ phương thức biểu hiện

*** Ngôn ngữ nghệ thuật nghịch dị**

Nghịch dị trong ngôn ngữ của tiểu thuyết đương đại Việt Nam thể hiện qua việc sử dụng những tiếng lóng, những từ ngữ tục,

những câu chữ thê, ngôn ngữ via hè. Ngôn ngữ của thời đương đại ủa vào trong tác phẩm với tất cả sự thô nhám, sống động và hỗn độn của nó: ngôn ngữ của Hai Hùng và Thành trong *Ấn mày dĩ vãng* của Chu Lai, người thương binh trong *Ngôi* của Nguyễn Bình Phương... Kiểu ngôn ngữ này còn được sử dụng để trào lộng chân dung giới trí thức, như: lời của quỷ trong *Đi tìm nhân vật* của Tạ Duy Anh, lời của họa sĩ Hoàng Lân trong *Ngôi* của Nguyễn Bình Phương... Ngôn ngữ mạng cũng là một cách thể hiện nghệ thuật nghịch dị trong tiểu thuyết, với cách viết không câu nệ ngữ pháp, logic thông thường của sự kết hợp, để cảm xúc và trực giác tuôn trào (trong *Nháp* của Nguyễn Đình Tú, *Trò chơi hủy diệt cảm xúc* của Y Ban, *Thế giới C* của Vũ Nhật Lập...). Kiểu ngôn ngữ nghịch dị này mang đến hiệu quả thẩm mỹ là mở rộng hiện thực của tác phẩm, đồng thời nó cũng tạo nên tính đa thanh cho tiểu thuyết đương đại.

* Giọng điệu nghệ thuật nghịch dị

Giọng điệu giễu nhại xuất hiện trong hầu hết các tiểu thuyết sử dụng nghịch dị. Nhạc chế, thành ngữ chế, thơ chế, ngôn ngữ phổ phường thân thuộc và bình dân của thời đương đại xuất hiện trong nhiều tác phẩm, phản ánh hiện thực của đời sống thị dân đang tha hóa, đầy cám dỗ, không có chuẩn mực, không còn vẻ đẹp truyền thống. Trong *Đời thế mà vui*, Lê Anh Thái giễu nhại giới văn nghệ sĩ bất tài; đi xa hơn, trong *Mười lẻ một đêm*, tác giả còn giễu nhại cả kiểu kinh tế làm du lịch nhưng lại là du lịch rác. Đặng Thân trong 3.3.3.9 *Những mảnh hồn trần* lại kiến tạo cái nhìn giễu nhại qua lăng kính tính dục hóa cội nguồn sự sống.

Giọng điệu bất tín và âu lo có thể thấy ở nhiều nhân vật trong các tiểu thuyết, như ở nhân vật tôi trong *Những ngã tư và những*

cột đèn, Thạch trong *Khải huyền muộn*, Tâm trong *Cơ hội của chúa...* Giọng điệu tự trào cũng xuất hiện trong nhiều tác phẩm, như: *Những ngã tư và những cột đèn*, *Ấn mày dĩ vãng*, *Đàn bà xấu thì không có quà*, *Khải huyền muộn*.

* Biểu tượng nghệ thuật nghịch dị

Trong hệ thống biểu tượng của tiểu thuyết Việt Nam đương đại, *biểu tượng nghịch dị mang màu sắc tính dục* chiếm một vị trí quan trọng, thể hiện trong các tác phẩm của Hồ Anh Thái, Nguyễn Bình Phương, Tạ Duy Anh, Nguyễn Việt Hà, Đặng Thân, Ưông Triều, Thuận, Nguyễn Đình Tú, Nguyễn Xuân Khánh... Biểu tượng nghịch dị trong tiểu thuyết còn liên quan đến *những giấc mơ*. Giấc mơ là hình thái của cổ mẫu (những biểu tượng lớn), nó trở đi trở lại trong các sáng tác của Nguyễn Bình Phương, Tạ Duy Anh, Đặng Thân... Ngoài ra, biểu tượng nghịch dị trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại còn có *biểu tượng mê cung, mê lộ*, thể hiện ở *Đi tìm nhân vật* của Tạ Duy Anh, *Những ngã tư và những cột đèn* của Trần Dần, *Ngôi* của Nguyễn Bình Phương, *Sống mê* của Châu Diên.

Qua khảo sát nghệ thuật nghịch dị trong tiểu thuyết Việt Nam từ 1986 đến 2012, Luận án đi đến nhận định: Nghịch dị trong tiểu thuyết Việt Nam giai đoạn này đã kế thừa, phát triển và góp phần đổi mới nghệ thuật nghịch dị trong lịch sử văn học dân tộc. Đó là sự tiếp nối, sáng tạo nghệ thuật nghịch dị trong mạch nguồn văn học truyền thống.

Luận án được bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án cấp trường, họp tại Trường Đại học Khoa học - Đại học Huế năm 2017.

HOÀI PHÚC
giới thiệu